

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/DS-PT
Ngày: 27/3/2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vận
chuyển tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Thái Rết;

Ông Phạm Quang Nhuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Mỹ Nhiên - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**
Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2024/TLPT-DS ngày 12/12/2024, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vận chuyển tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2025/QĐ-PT ngày 12/02/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần G; Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà VTV, số H, đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc H; Sinh ngày: 02/4/2001; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số A, đường số I, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số B, đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền lập ngày 20/02/2025. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1993; Địa chỉ cư trú: Ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn T; Sinh năm: 1968; Địa chỉ cư trú: Số F, đường B, Khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần G là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần G trình bày như sau:

Công ty Cổ phần G hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, được Bộ T3 cấp Giấy phép bưu chính số 346/GP-BTTTT lần đầu vào ngày 04/4/2017, cấp điều chỉnh lần 2 vào ngày 23/8/2019. Công ty Cổ phần G cung cấp dịch vụ giao hàng, thu tiền hộ từ người nhận sau khi giao hàng thành công và quyết toán cho người gửi.

Ngày 29/12/2021, Công ty Cổ phần G giao kết hợp đồng với ông Nguyễn Văn L vận chuyển 29 kiện hàng bên trong có chứa 269 đơn hàng (do Công ty nhận từ khách hàng (shop) chuyển đến người nhận) từ Bến tàu T (Địa chỉ: Đường C, ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng) đến Cảng B (Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Hai bên không có ký kết hợp đồng bằng văn bản. Ông L đã nhận đủ 29 kiện hàng và xác nhận qua tin nhắn cho nhân viên của Công ty Cổ phần G.

Ngày 02/01/2022, ông L thông báo cho Công ty Cổ phần G là 29 kiện hàng vận chuyển trên tàu CT 90299 TS từ ngày 29/12/2021 bị sự cố chìm tàu trên biển và toàn bộ 29 kiện hàng bị mất. Đến ngày 04/01/2022, Công ty Cổ phần G cử đại diện là bà Liễu Thị Xuân N đến làm việc với ông L, ông L thông báo là tàu Thu Hồng CT 90299 TS đã bị chìm tại kinh độ 0903500, vĩ độ 10623200 và toàn bộ hàng hóa bị mất (theo biên bản làm việc ngày 04/01/2022). Đến ngày 11/01/2022, Công ty Cổ phần G tiếp tục cử đại diện là ông Nguyễn Hồng S làm việc với ông L và thông báo cho ông L biết danh sách 269 đơn hàng bên trong 29 kiện hàng có tổng giá trị là 128.178.997 đồng và yêu cầu ông L có mặt tại địa chỉ số E đường V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 13/01/2022 để thống nhất phương án bồi thường (theo Biên bản làm việc ngày 11/01/2022). Tuy nhiên, ông L không có mặt theo lịch hẹn. Sau đó, Công ty Cổ phần G đã tiến hành bồi thường 204 đơn hàng cho khách hàng với tổng số tiền là 115.792.498 đồng.

Do không nhận được sự hợp tác từ ông L, Công ty Cổ phần G đã thông báo 02 lần đến ông L để yêu cầu bồi thường thiệt hại qua văn bản số 1502/2022/TB-GHTK ngày 15/02/2022 và văn bản số 0504/2022/TB-GHTK ngày 05/4/2022. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần G chưa nhận được phản hồi từ phía ông L, hành vi của ông L xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Công ty Cổ phần G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 115.792.498 đồng tương ứng với 204 đơn hàng mà Công ty Cổ phần G đã bồi thường đã cho khách hàng và tiền lãi tính từ ngày 23/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 10%/năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần G thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 115.792.498 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày như sau:

Trước khi xảy ra sự việc chìm tàu, ông L nhận giao hàng cho Công ty Cổ phần G được khoảng 01 tháng, đã giao được 4-5 chuyến hàng. Hai bên không có làm hợp đồng bằng văn bản, mỗi hàng giao hàng thì ông L điện thoại và báo tin qua tin nhắn cho người phụ trách của Công ty là đã nhận được bao nhiêu kiện hàng. Công việc của ông L là chuyển số kiện hàng của Công ty Cổ phần G từ Cảng cá T qua chi nhánh của Công ty Cổ phần G ở C, tiền công ông L được trả là 50.000 đồng/kiện hàng. Khi nào ngay chuyến tàu của ông L chạy thì ông L trực tiếp vận chuyển, còn không ngay chuyến tàu của ông L thì ông L gửi cho tàu quen, khi này ông L trả phí cho họ là 40.000 đồng/kiện hàng. Ngày 29/12/2021, ông L nhận vận chuyển cho Công ty Cổ phần G 29 kiện hàng, lần này ông L gửi cho tàu Thu Hồng có số hiệu CT 90299 TS vận chuyển. Đến sáng ngày 30/12/2021, ông L nhận được tin là tàu chở hàng bị chìm, hàng hóa trên tàu và tàu đều bị chìm mất. Trong ngày 30/12/2021, tàu của ông L cùng 03 chiếc tàu nữa phối hợp với Đ tìm kiếm trên biển, cứu được 02 người bị nạn, còn hàng hóa trên tàu bị mất hết. Ông L có báo tin cho Công ty Cổ phần G sự việc tàu bị chìm, mất hàng hóa, đến ngày 04/01/2022 thì đại diện của Công ty đến làm việc với ông L và lập biên bản xác nhận sự việc chìm tàu. Đến ngày 11/01/2022, đại diện của Công ty Cổ phần G đến yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại hơn 128 triệu đồng, ông L phản hồi là sẽ trao đổi với chủ tàu.

Nay ông L không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần G vì sự việc chìm tàu là ngoài ý muốn của ông L, cuộc sống hiện nay ông L gặp khó khăn, không thể nào có tiền để bồi thường cho nguyên đơn.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày như sau:

Ông T là chủ tàu số hiệu CT 90299 TS. Vào ngày 30/12/2022, tàu của ông T đi từ C cá T ra C gặp sóng to, gió lớn dẫn đến tàu bị chìm xuống biển, hàng hóa trên tàu rơi xuống biển không trục vớt được, chỉ cứu được người. Đối với hàng hóa trên tàu, ông T không biết gồm những gì và của ai vì thuyền viên là người trực tiếp giao nhận. Ông T không có ý kiến về việc tranh chấp giữa Công ty Cổ phần G và ông L.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 156 và khoản 3 Điều 541 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G, về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại số tiền 115.792.498 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày **16/8/2024**, nguyên đơn Công ty Cổ phần G kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần G tổng số tiền là 115.792.498 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông Lê Văn T có đăng ký hoạt động kinh doanh vận tải đường thủy hay không và việc ông T không trình báo cho cơ quan Cảnh vụ có thẩm quyền tìm kiếm tàu bị chìm, kết luận nguyên nhân tàu bị chìm là vi phạm. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đặng Ngọc T1 và ông Đặng Ngọc Tiền E (là thuyền viên của Tàu CT 90299 TS) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T vắng mặt không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông Lê Văn T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều

296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần G **lập và gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm qua đường dịch vụ bưu chính vào cùng ngày 16/8/2024 là hợp lệ**, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần G theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét trong vụ án này, mặc dù nguyên đơn là Công ty Cổ phần G là tổ chức có tư cách pháp nhân, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng với bị đơn là ông Nguyễn Văn L và các bên đương sự giao kết và thực hiện hợp đồng đều vì mục đích lợi nhuận nhưng ông Nguyễn Văn L là cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng vận chuyển tài sản để giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp Hợp đồng vận chuyển hàng hóa” là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp về Hợp đồng vận chuyển tài sản”.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần G, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại cho Cổ phần G tổng số tiền là 115.792.498 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận giữa Công ty Cổ phần G và ông Nguyễn Văn L có giao kết hợp đồng vận chuyển tài sản bằng lời nói, theo đó ông L vận chuyển tài sản bằng đường biển cho Công ty Cổ phần G từ Cảng cá T (huyện T, tỉnh Sóc Trăng) qua chi nhánh của Công ty Cổ phần G tại huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tiền công là 50.000 đồng/01 kiện hàng. Vào ngày 29/12/2021, ông L tiếp nhận của Công ty Cổ phần G 29 kiện hàng tại Cảng cá T để vận chuyển qua huyện C. Sau đó, ông L đã gửi tàu Thu Hồng số hiệu CT 90299 TS do ông Lê Văn T làm chủ thực hiện vận chuyển 29 kiện hàng cho Công ty Cổ phần G qua huyện C. Tối ngày 29/12/2021, tàu Thu Hồng xuất bến đi huyện C, trên đường đi tàu gặp sóng to, gió lớn bị chìm, tàu và toàn bộ hàng hóa trên tàu bị mất, lực lượng cứu hộ chỉ cứu được 02 thuyền viên trên tàu. Sau khi tàu bị chìm, đại diện của Công ty Cổ phần G và ông L gặp nhau xác nhận 29 kiện hàng bị mất có 269 đơn hàng và có tổng giá trị là 128.178.997 đồng.

[5] Theo Công ty Cổ phần G xác định, trong tổng số 269 đơn hàng trong 29 kiện hàng bị mất thì khách hàng của 204 đơn hàng yêu cầu bồi thường và Công ty Cổ phần G đã thực hiện bồi thường cho khách hàng với tổng số tiền là

115.792.498 đồng nên Công ty Cổ phần G yêu cầu ông L bồi thường tổng số tiền 115.729.498 đồng. Phía ông L không đồng ý bồi thường cho nguyên đơn vì 29 kiện hàng bị mất là do sự cố chìm tàu và ngoài ý muốn của ông L.

[6] Tại Công văn số 265/ĐTB-PCMT&TP ngày 15/5/2023 của Đoàn Biên phòng Đ về việc trả lời yêu cầu xác minh Tàu CT 90299 TS và Công văn số 160/ĐBP-TMHC ngày 20/3/2024 của Đoàn Biên phòng Đ xác định: Tàu CT 90299 TS là của ông Lê Văn T làm chủ phương tiện; tên tàu Thu Hồng; nghề hoạt động là tải; thời gian xuất bến lúc 21 giờ ngày 29/12/2021 (có đăng ký Trạm Kiểm soát Biên phòng T4), không tìm thấy dữ liệu nhập bến; lúc 13 giờ 30 phút ngày 01/01/2022, Đoàn Biên phòng Đ có tiếp nhận 02 thuyền viên từ tàu BL 91368 (ông Đặng Ngọc T1-thuyền trưởng và ông Đặng Ngọc Tiền E) làm việc trên tàu CT 90299 TS đi từ Cảng cá T ra C (cách Cảng cá T 29 hải lý) gặp sóng to, gió lớn bị chìm.

[7] Căn cứ vào lời thừa nhận của các bên đương sự và thông tin cung cấp từ Đoàn Biên phòng Đ thì nguyên nhân dẫn đến Tàu CT 90299 TS bị chìm vào đêm 29/12/2021 rạng sáng 30/12/2021 khi đi từ Cảng cá T ra C (cách Cảng cá T 29 hải lý) là do gặp sóng to, gió lớn và trước khi xuất bến đi C, Tàu CT 90299 TS có đăng ký tại Trạm Kiểm soát Biên phòng T5

[8] Theo quy định tại Điều 156 của Bộ luật Dân sự năm 2015: “...Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”.

[9] Như vậy, Tàu CT 90299 TS bị chìm dẫn đến mất tàu và mất hết hàng hóa, trong đó có 29 kiện hàng hóa của Công ty Cổ phần G được ông L nhận vận chuyển ra C là do bất khả kháng, ông L không thể lường trước được. Đồng thời, giữa Công ty Cổ phần G và ông L khi thỏa thuận vận chuyển hàng hóa từ Trần Đề ra C cũng không thỏa thuận cụ thể về phương tiện vận chuyển và ông L cũng đã nhiều lần thực hiện vận chuyển hàng hóa cho Công ty Cổ phần G bằng phương thức này nhưng phía Công ty Cổ phần G cũng không có ý kiến phản đối.

[10] Theo Điều 541 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng vận chuyển tài sản như sau: “1. Bên vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê vận chuyển nếu để tài sản bị mất hoặc hư hỏng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 536 của Bộ luật này; 2. Bên thuê vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên vận chuyển và người thứ ba về thiệt hại do tài sản vận chuyển có tính chất nguy hiểm, độc hại mà không có biện pháp đóng gói, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển; 3. Trường hợp bất khả kháng dẫn đến tài sản vận chuyển bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại trong quá trình vận chuyển thì bên vận chuyển không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

[11] Xét giữa Công ty Cổ phần G và ông L không có thỏa thuận khác liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng dẫn

đến tài sản vận chuyển bị mất. Do đó, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sự cố Tàu CT 90299 TS bị chìm vào đêm 29/12/2021 rạng sáng 30/12/2021 dẫn đến mất tài sản mà ông L nhận vận chuyển cho Công ty Cổ phần G từ huyện T ra huyện C là 29 kiện hàng hóa với 269 đơn hàng có tổng giá trị là 128.178.997 đồng là do nguyên nhân bất khả kháng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G, về việc buộc ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 115.792.498 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 541 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[12] Trong vụ án này, nguyên đơn Công ty Cổ phần G khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại từ hợp đồng vận chuyển tài sản, không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của 02 thuyền viên tàu Thu Hồng CT 90299 TS là ông Đặng Ngọc T1 và Đặng Ngọc T2 Em nên không cần thiết phải đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trước khi xuất bến vào tối ngày 29/12/2021, thuyền trưởng Tàu Thu Hồng đã làm thủ tục đăng ký tại Trạm Kiểm soát Biên phòng T4 và được phép xuất bến nên được xem là đủ điều kiện xuất bến. Ngoài ra, việc ông Lê Văn T không trình báo cơ quan Cảnh vụ có thẩm quyền kết luận nguyên nhân tàu bị chìm là có sai sót từ phía ông T nhưng nay không thể khắc phục được vì nguyên đơn, bị đơn không thể bắt buộc ông T thực hiện thủ tục này. Do đó, việc hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là không cần thiết.

[13] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần G, giữ nguyên phần quyết định bản án sơ thẩm.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn Công ty Cổ phần G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần G. Giữ nguyên phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty Cổ phần G chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007059 ngày 28/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND huyện T (02 bản);
- Chi cục THADS huyện T (01 bản);
- Các đương sự (03 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ